

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC PHÊ DUYỆT GIÁ ĐẤT CỤ THỂ VÀ HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT ĐỂ TÍNH TIỀN BỒI THƯỜNG VỀ ĐẤT KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN NHÀ MÁY ĐIỆN GIÓ SỐ 2, PHƯỜNG VĨNH PHƯỚC, THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Quyết định số 33/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2020 - 2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng (Tờ trình số 1792/STNMT-CCQLĐĐ ngày 10/8/2020).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất (gọi tắt là hệ số) và giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án Nhà máy điện gió số 2, phường Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng, cụ thể như sau:

1. Vị trí, diện tích đất thu hồi

a) Vị trí đất thu hồi: Tại khóm Biển Trên, khóm Biển Trên A, phường Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

b) Tổng diện tích đất dự kiến thu hồi: Khoảng 3,47 ha.

2. Loại đất, giá đất cụ thể và hệ số

STT	Tên đường, loại đất	Đoạn đường, vị trí	Giá đất cụ thể	Hệ số
I	Đất ở tại đô thị			
1	Đường đala, đường nhựa (áp dụng trong phạm vi thâm hậu 30 mét tính từ mép lộ giới)	Trong phạm vi dự án	295.000	1,180

2	Đất ở còn lại (gồm đất ở các vị trí còn lại và đất ở tiếp giáp đường tại khoản 1 nêu trên có vị trí thâm hậu từ mét thứ trên 30 trở lên)	Trong phạm vi dự án	241.000	1,205
II Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở				
Giá đất phi nông nghiệp không phải là đất ở được xác định trên cơ sở giá đất ở (giá đất ở cụ thể) nhân với tỷ lệ phần trăm (%) được quy định theo từng loại đất phi nông nghiệp quy định tại Phụ lục 6 kèm theo Quyết định số 33/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2020 - 2024				
III Đất nông nghiệp (đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối)				
1	Đất nông nghiệp có cạnh tiếp giáp các tuyến đường đal, đường nhựa (trong phạm vi thâm hậu 70 mét tính từ mép lộ giới) và đất nông nghiệp trong khu vực được phép chuyển mục đích sang đất phi nông nghiệp	Trong phạm vi dự án	80.000	1,333
2	Đất trồng cây lâu năm còn lại	Trong phạm vi dự án	61.000	1,356
3	Đất trồng cây hàng năm còn lại; đất nuôi trồng thủy sản còn lại và đất làm muối	Trong phạm vi dự án	54.000	1,350

Điều 2. Căn cứ hệ số và giá đất cụ thể được phê duyệt, Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu có trách nhiệm hoàn chỉnh, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và lập hồ sơ, thủ tục thu hồi đất theo quy định hiện hành để thực hiện Dự án Nhà máy điện gió số 2.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Điện gió Sóc Trăng và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Phòng TN&MT TXVC;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Hiếu